

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **47** /2025/TT-BKHCHN

Hà Nội, ngày **24** tháng **12** năm 2025

THÔNG TƯ

**Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Bộ Khoa học và Công nghệ**

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định:

- Chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thông tư này không điều chỉnh:

- Chế độ báo cáo thống kê thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê;
- Chế độ báo cáo mật theo quy định pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước;
- Chế độ báo cáo trong nội bộ cơ quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này được áp dụng đối với những đối tượng sau:

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
3. Đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.
4. Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
5. Tổ chức chính trị - xã hội; Tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp.
6. Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
7. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ mã, số viễn thông, doanh nghiệp thuê số thuê bao viễn thông; cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu; cung cấp dịch vụ điện toán đám mây).
8. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy phép sử dụng băng tần.
9. Các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
10. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, Bưu điện các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
11. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích; Chi nhánh doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
12. Cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chế độ báo cáo định kỳ là chế độ báo cáo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, gồm những yêu cầu cụ thể về việc thực hiện báo cáo, được ban hành để đáp ứng yêu cầu thông tin tổng hợp của cơ quan, người có thẩm quyền và được thực hiện theo một chu kỳ xác định, lặp lại nhiều lần.
2. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Hệ thống thông tin báo cáo) là Hệ thống thông tin thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo và cung cấp số liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Khoa học và Công nghệ và cung cấp số liệu theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
3. Tài khoản người dùng là tài khoản của Lãnh đạo, công chức, viên chức được quản trị Hệ thống tạo ra để sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo.
4. Mở kỳ báo cáo là thao tác trên Hệ thống thông tin báo cáo do cơ quan quản trị hệ thống thực hiện để kích hoạt kỳ báo cáo theo chu kỳ, cho phép các cơ quan, đơn vị thực hiện nhập liệu, phê duyệt và gửi báo cáo.

Điều 4. Nguyên tắc, yêu cầu chung về thực hiện chế độ báo cáo định kỳ

1. Việc ban hành, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện theo quy định của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là: Nghị định số 09/2019/NĐ-CP), các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Thông tư này.

2. Bảo đảm tính rõ ràng, công khai, cung cấp và chia sẻ thông tin, dữ liệu báo cáo, tính an toàn, an ninh và tính bảo mật theo quy định pháp luật; bảo đảm khả năng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

3. Trong mỗi kỳ báo cáo, số liệu báo cáo phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác vào Hệ thống thông tin báo cáo theo đúng thời điểm chốt số liệu, đúng thời hạn gửi báo cáo và các quy định khác theo chế độ báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương II QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

Điều 5. Các chế độ báo cáo

1. Chế độ báo cáo các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, bao gồm:

- a) Chế độ báo cáo lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ;
- b) Chế độ báo cáo trong lĩnh vực Đổi mới sáng tạo;
- c) Chế độ báo cáo trong lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông;
- d) Chế độ báo cáo lĩnh vực Chuyển đổi số;
- đ) Chế độ báo cáo lĩnh vực Sở hữu trí tuệ;
- e) Chế độ báo cáo lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- g) Chế độ báo cáo lĩnh vực Năng lượng nguyên tử;
- h) Chế độ báo cáo của Khối quản lý/cơ quan Bộ;
- i) Chế độ báo cáo của Doanh nghiệp.

2. Báo cáo công tác về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ theo tháng, quý, 6 tháng, năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác tháng liền kề, quý liền kề, 6 tháng cuối năm, năm liền kề.

3. Báo cáo đột xuất, Báo cáo chuyên đề thực hiện theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Điều 6. Quy định về chế độ báo cáo định kỳ

1. Nội dung chế độ báo cáo định kỳ thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8, 11, 12 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

2. Đối tượng thực hiện báo cáo định kỳ được xác định cụ thể tại từng Mẫu đề cương báo cáo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ quan nhận báo cáo định kỳ được xác định cụ thể tại từng Mẫu đề cương và Biểu mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, tổng hợp thông tin, số liệu từ các báo cáo gửi đến, duyệt và báo cáo cấp có thẩm quyền;

b) Trả lại và yêu cầu cơ quan gửi báo cáo điều chỉnh, bổ sung đối với những báo cáo không bảo đảm tính đầy đủ, chính xác.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo định kỳ: Báo cáo được gửi tới cơ quan, đơn vị nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Trường hợp Hệ thống thông tin báo cáo có sự cố kỹ thuật mà không thể triển khai gửi, nhận báo cáo trong thời hạn quy định, việc gửi, nhận báo cáo được thực hiện bằng hình thức văn bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và địa phương hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

5. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo tháng: Trước ngày 15 của tháng báo cáo;

b) Báo cáo quý: Trước ngày 15 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;

c) Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 15 tháng 6 của năm báo cáo;

d) Báo cáo năm: Trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo;

đ) Báo cáo định kỳ khác: Thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

6. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

Thời gian chốt số liệu báo cáo thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

7. Tần suất thực hiện báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo tháng: 01 lần/01 tháng (các tháng: 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10 và 11);

b) Báo cáo quý: 01 lần/01 quý (báo cáo quý I thay cho báo cáo tháng 3; báo cáo quý III thay cho báo cáo tháng 9);

c) Báo cáo 6 tháng: 01 lần/năm (báo cáo 6 tháng thay cho báo cáo tháng 6 và báo cáo quý II);

d) Báo cáo năm: 01 lần/năm (báo cáo năm thay cho báo cáo tháng 12 và báo cáo quý IV).

8. Mẫu đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo định kỳ: Mẫu đề cương báo cáo và biểu mẫu số liệu (nếu có) quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Yêu cầu đối với cơ quan thực hiện báo cáo

Cơ quan thực hiện báo cáo có trách nhiệm:

1. Thu thập, tổng hợp, cập nhật thông tin, số liệu báo cáo bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo yêu cầu.

2. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung thông tin, số liệu theo yêu cầu trong trường hợp cơ quan nhận báo cáo trả lại trên Hệ thống.

Điều 8. Yêu cầu đối với cơ quan nhận báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ nhận báo cáo định kỳ của các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm rà soát, phân tích, tổng hợp và gửi báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ (Văn phòng Bộ).

2. Các Sở Khoa học và Công nghệ nhận báo cáo định kỳ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm rà soát, phân tích, tổng hợp và gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ hoặc Văn phòng Bộ).

3. Văn phòng Bộ rà soát, phân tích, tổng hợp các báo cáo để báo cáo Lãnh đạo Bộ: Chậm nhất ngày 20 của tháng/cuối quý báo cáo đối với báo cáo định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng và năm.

4. Thời hạn Bộ gửi báo cáo định kỳ cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Chậm nhất ngày 25 (hai mươi lăm) của tháng, quý, 6 tháng và năm báo cáo.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 9. Hệ thống thông tin báo cáo

1. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ được xây dựng, vận hành, khai thác và duy trì hoạt động tại Bộ Khoa học và Công nghệ để kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ có các chức năng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

3. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, tổng hợp, quản lý báo cáo của các Bộ, Cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức khác thực hiện chế độ báo cáo gửi Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Tài khoản quản trị, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Mỗi cơ quan, tổ chức sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo được cấp 01 tài khoản để truy cập, sử dụng, phù hợp với vai trò của cơ quan, tổ chức trong việc sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo.

2. Văn phòng Bộ có trách nhiệm tiếp nhận tài khoản được cấp dùng để mở kỳ báo cáo; tiếp nhận, tổng hợp số liệu báo cáo của các cơ quan thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư này. Văn phòng Bộ có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận 01 tài khoản quản trị Hệ thống thông tin báo cáo dùng để thực hiện cấp mới, thu hồi, phân quyền, thiết lập lại mật khẩu tài khoản cho người dùng tại các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ báo cáo;

b) Tổ chức kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu báo cáo, dữ liệu danh mục dùng chung của Phần mềm với các hệ thống thông tin khác và thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật khác để duy trì hoạt động của Hệ thống thông tin báo cáo;

c) Kịp thời xử lý khi phát hiện hoặc được các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thông báo về việc Hệ thống thông tin báo cáo có sai sót, sự cố kỹ thuật; trường hợp không thể kịp thời khắc phục được các sự cố kỹ thuật, phải thông báo trên Hệ thống thông tin báo cáo hoặc bằng văn bản về việc tạm ngưng một phần hoặc toàn bộ việc triển khai báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo;

d) Thực hiện các giải pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm hoạt động ổn định của Hệ thống thông tin báo cáo; bảo trì, xử lý sự cố và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; đề xuất các giải pháp kỹ thuật cần thiết để nâng cao hiệu năng hạ tầng hệ thống.

3. Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, tổ chức có liên quan được cấp 3 loại tài khoản người dùng, gồm:

a) Loại tài khoản dành cho Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức, dùng để phê duyệt các biểu báo cáo cho các Phòng chuyên môn thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức;

b) Loại tài khoản dành cho Lãnh đạo cấp phòng thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức dùng để kiểm tra các biểu báo cáo do cấp dưới (chuyên viên) tổng hợp thực hiện trước khi trình Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức phê duyệt trên Hệ thống thông tin báo cáo;

c) Loại tài khoản dành cho chuyên viên tổng hợp, cập nhật số liệu báo cáo.

4. Các cơ quan thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này phải sử dụng chứng thư số của tổ chức được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số theo quy định tại Nghị định số 23/2025/NĐ-CP để ký số báo cáo và các dữ liệu gửi trên Hệ thống thông tin báo cáo; việc phân quyền, quản lý tài khoản người dùng do Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện theo quy định.

5. Cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân liên quan đăng ký và sử dụng tài khoản được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp trên Hệ thống thông tin báo cáo; bảo quản tài khoản, mật khẩu theo quy định.

Điều 11. Yêu cầu thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo

1. Thực hiện kết nối, cập nhật thường xuyên dữ liệu, tích hợp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ Khoa học và Công nghệ với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ qua trục liên thông văn bản quốc gia; thực hiện ký số và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin dữ liệu báo cáo.

2. Việc áp dụng Hệ thống thông tin báo cáo phải tuân theo quy định của pháp luật về báo cáo, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và phù hợp với chế độ báo cáo quy định tại Thông tư này.

3. Các biểu mẫu báo cáo được áp dụng trên Hệ thống là các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này được Bộ Khoa học và Công nghệ thiết lập, thống nhất quản lý và triển khai thực hiện.

4. Số liệu báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo khi được phê duyệt và gửi đi bởi tài khoản của Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức là báo cáo chính thức, thay cho báo cáo bằng văn bản của cơ quan, đơn vị, tổ chức.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2026.

2. Các Thông tư sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Rà soát các chế độ báo cáo định kỳ để đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ phù hợp với quy định của Thông tư này;

b) Thực hiện công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật được giao chủ trì soạn thảo theo quy định tại Thông tư này;

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo, chia sẻ, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo của cơ quan, đơn vị mình khi các cơ quan, đơn vị khác yêu cầu theo quy định của pháp luật; không chia sẻ, cung cấp thông tin, số liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc thuộc trường hợp hạn chế chia sẻ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về dữ liệu;

d) Nhập liệu (đối với các số liệu do đơn vị được giao trực tiếp quản lý); tổng hợp báo cáo từ các cơ quan thực hiện báo cáo, trình Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Văn phòng Bộ) gửi báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Văn phòng Bộ có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Thông tư này;

b) Là đầu mối phối hợp với các đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong tiếp nhận, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo định kỳ khi có sửa đổi, bổ sung liên quan đến thực hiện quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; tổng hợp, xử lý, phân tích thông tin, báo cáo của các cơ quan, đơn vị theo nội dung quy định tại Thông tư này;

c) Xây dựng quy chế vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo; tài liệu hướng dẫn và tổ chức hướng dẫn khai thác, sử dụng Hệ thống; phân quyền vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo;

d) Quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ phục vụ sự chỉ

đạo, điều hành của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định;

đ) Tổ chức rà soát, đánh giá quy định về việc thực hiện chế độ báo cáo theo thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này;

e) Định kỳ rà soát, đánh giá yêu cầu quản lý, nhu cầu nghiệp vụ để đề xuất điều chỉnh quy chế vận hành, chức năng và yêu cầu nghiệp vụ của Hệ thống thông tin báo cáo;

g) Chủ trì xây dựng kế hoạch phát triển, nâng cấp Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ; phối hợp với đơn vị chuyên môn thực hiện các hoạt động nâng cấp theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

h) Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, thực hiện hướng dẫn và tổ chức tập huấn cho các đối tượng theo quy định tại Điều 2 của Thông tư này.

3. Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng quy trình, thời hạn của các chế độ báo cáo. Các thông tin, số liệu báo cáo bảo đảm tính chính xác, khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực tế;

b) Phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc cơ quan, đơn vị quản lý thực hiện báo cáo phù hợp với từng chế độ báo cáo. Phân công cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, chuyên môn phù hợp để thực hiện công tác báo cáo;

c) Thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ (Văn phòng Bộ) ngay sau khi phát hiện Hệ thống có sai sót, sự cố kỹ thuật dẫn tới ảnh hưởng hoạt động hoặc an ninh, an toàn thông tin của Hệ thống.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ: Văn phòng Bộ, các Vụ, các Cục, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *B*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND, Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Đại học quốc gia; Ban Quản lý Khu công nghệ cao;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; Cổng TTĐT của Bộ;
- Lưu: VT, VP.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng